

# MARKET LENS

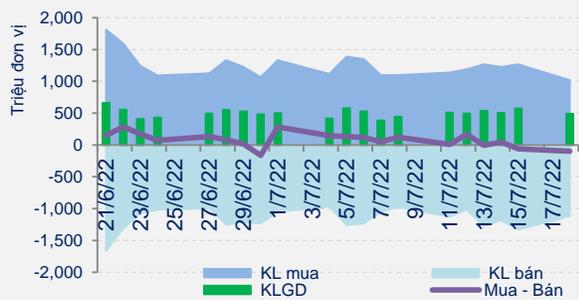
Phiên giao dịch ngày:

18/7/2022

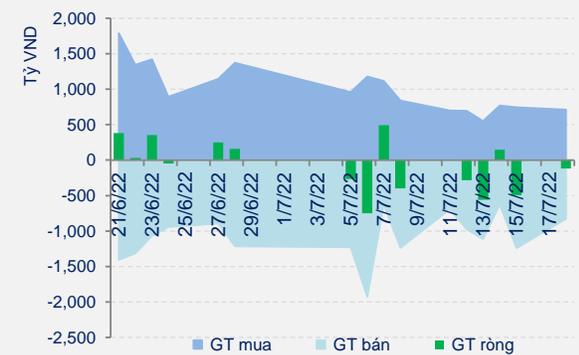
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,176.49	284.63
% Thay đổi	↓ -0.23%	↑ 0.08%
KLGD (CP)	492,856,915	59,553,672
GTGD (tỷ đồng)	11,218.90	1,218.97
Tổng cung (CP)	1,119,976,100	99,605,900
Tổng cầu (CP)	1,020,678,800	85,933,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	20,995,460	485,680
KL mua (CP)	19,324,160	337,700
GT mua (tỷ đồng)	712.32	3.96
GT bán (tỷ đồng)	828.16	11.57
GT ròng (tỷ đồng)	(115.83)	(7.61)

## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



## CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm trong phiên hôm nay với nền tảng thanh khoản giảm nhẹ nhưng vẫn xấp xỉ mức trung bình.

Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 2,76 điểm (-0,23%) xuống 1.176,49 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 229 mã tăng (7 mã tăng trần), 78 mã tham chiếu, 209 mã giảm (4 mã giảm sàn). HNX-Index tăng 0,23 điểm (+0,08%) lên 284,63 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 98 mã tăng (10 mã tăng trần), 52 mã tham chiếu, 80 mã giảm (2 mã giảm sàn).

Thị trường giảm điểm trong phần lớn thời gian khi mở cửa ở vùng 1184-1185. Áp lực bán tiếp tục gia tăng mạnh hơn ở phiên chiều khi khối lượng giao dịch không cải thiện tốt so với phiên trước. Kết phiên ATC chỉ số VN-Index hồi phục nhẹ ở mức 1176,49.

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn thuộc VN30 (+0,41%) giảm điểm mạnh hơn so với thị trường chung với 16/30 mã kết phiên trong sắc đỏ, có thể kể đến như HPG (-2,6%), VIC (-2,3%), STB (-2,0%), ... là những mã giảm trên 2%.

Nhóm cổ phiếu chứng khoán phân hóa trong phiên hôm nay với HCM (+1,7%), VCI (+1,2%), SSI giảm (-0,9%)..

Cổ phiếu ngân hàng phân hóa tương tự với STB (-2,0%), BID (-0,9%), MBB (-0,2%), TCB (+0,6%), LPB (+0,7%), TPB (+0,6%)...

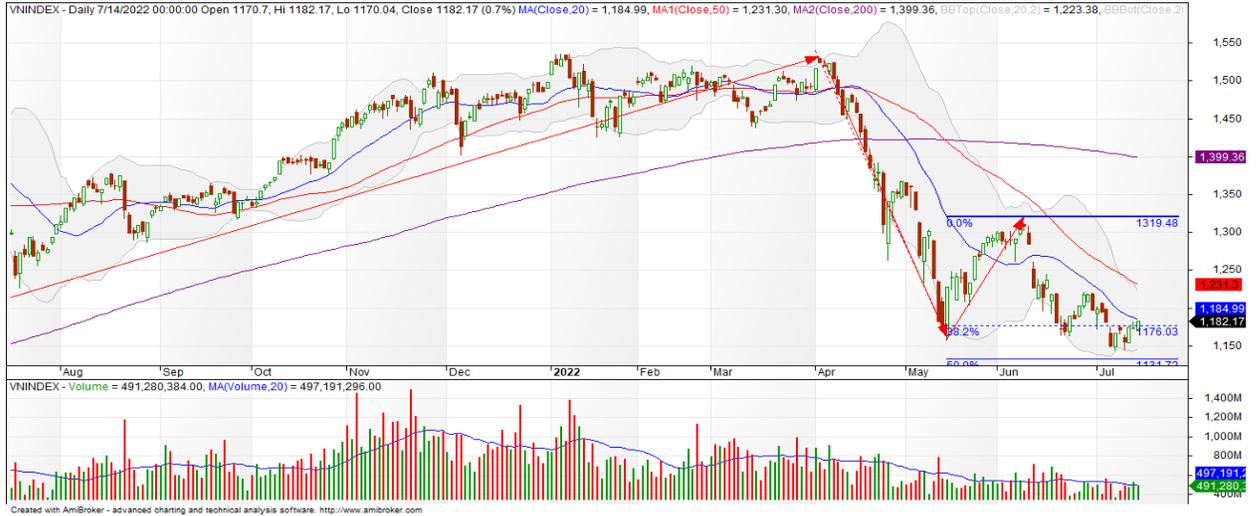
Tích cực nhất là nhóm cổ phiếu xây dựng, đầu tư công phục hồi tăng điểm tốt như FCN (+6,8%), TCD (+5,4%) VCG (+5,3%), PLC (+3,6%), LCG (+3,5%) trước thông tin tích cực khi Bộ GTVT phê duyệt 12 dự án cao tốc Bắc Nam.

Nhóm cổ phiếu khu công nghiệp, thủy sản cũng phục hồi tốt với IDC (+3,6%), SZC(+1,0%), VHC (+4,2%), ANV(+2,8%), ASM (+3,1%)....

Khối ngoại bán ròng trên HOSE với giá trị ròng đạt 115,93 tỷ đồng. Mã bị bán ròng nhiều nhất là VHM với 44,77 tỷ đồng tương ứng với 754 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là HPG với 44,1 tỷ đồng tương ứng với 1,92 triệu cổ phiếu và DXG với 1,28 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VND là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 61,86 tỷ đồng tương ứng với 3,24 triệu cổ phiếu.

Trên thị trường phái sinh, chỉ hợp đồng tương lai kỳ hạn VN30F2207 đang cao hơn chỉ số cơ sở VN30 từ 1,12 điểm, cho thấy các trader đang nghiêng về khả năng thị trường có thể hồi phục trở lại.

# MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **18/7/2022**


VN-INDEX điều chỉnh trong phiên đầu tuần khi chịu áp lực bán ở vùng kháng cự gần nhất 1185-1190. Kết phiên ở mức 1176,49 điểm, giảm -0,23%, thanh khoản suy giảm -11,65% so với phiên trước thể hiện áp lực điều chỉnh, tích lũy bình thường. Ảnh hưởng giảm điểm đến từ VN30, trong đó HPG điều chỉnh sau phiên tăng điểm mạnh với khối lượng đột biến cuối tuần trước.

Theo góc nhìn lý thuyết sóng Elliott, VN-INDEX có khả năng đã hoàn thành một chu kỳ gồm 8 sóng (1-2-3-4-5-a-b-c) từ cuối tháng 3, đầu tháng 4 năm 2021 cho đến nay. Chỉ số này hai lần kiểm tra thành công ngưỡng hỗ trợ 1.140 điểm, đồng thời VN-Index đang tạo tín hiệu phân kỳ với các chỉ báo khác, cụ thể là RSI và MACD củng cố cho lập luận trên. Hiện tại VN-Index khá tương tự bối cảnh của chỉ số này 4 năm trước đó, thời điểm giữa tháng 7 năm 2018 khi VN-Index tạo đáy quanh ngưỡng 880 điểm. Diễn biến sau đó là hồi phục và giằng co đi ngang kéo dài cho đến hết năm 2018 và cả năm 2019.

Ngắn hạn VN-INDEX đang trong giai đoạn phục hồi kiểm tra lại xu hướng giảm giá ngắn hạn tương ứng nổi đỉnh giá 1524,92 ngày 07/04/2022 và các đỉnh giá 1316,76 ngày 08/06/2022, 1309,59 ngày 10/06/2022 đến nay.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN-INDEX duy trì tích lũy trên vùng hỗ trợ 1.165 điểm -1.170 điểm tương ứng cạnh dưới nổi 2 điểm đáy xác lập trong tháng 05/2022 - tháng 06/2022 và đang trong giai đoạn phục hồi kiểm tra lại xu hướng giảm giá từ tháng 04/2022 tới nay tương ứng với kháng cự 1.185 điểm -1.190 điểm. Độ rộng thị trường trong ngắn hạn vẫn tương đối tích cực khi các mã luân phiên phục hồi kiểm tra lại xu hướng giảm giá tương tự.

Thị trường kỳ vọng sẽ có xu hướng tích lũy chặt chẽ dần, hình thành vùng tích lũy. Ở vùng giá hiện tại định giá thị trường vẫn đang ở mức thấp so với trung bình nhiều năm, P/E thị trường đang ở mức 12,8 trong bối cảnh tăng trưởng nền kinh tế vẫn được duy trì. Nhà đầu tư có thể xem xét chọn lọc giải ngân, tích lũy đối với những cổ phiếu có triển vọng tăng trưởng khi giá đang giảm về vùng hấp dẫn. Có thể tham khảo danh mục cổ phiếu khuyến nghị của chúng tôi trong trang tiếp theo để đưa ra quyết định hợp lý.



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 18/7/2022

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu TTM	T.trưởng Lợi nhuận TTM	
PVS	23.2	19-20.5	28-29	18	16.5	44.2%	-3.7%	Theo dõi chờ giải ngân
PVT	19.6	18-19	23-24	16	9.3	17.8%	-1.5%	Theo dõi giải ngân khi điều chỉnh, hỗ trợ ngắn hạn 19+-
PET	33.3	28-30	34-36	26	13.4	14.3%	93.0%	Theo dõi chờ giải ngân
DCM	29.6	26-28	31-32	21	4.8	117.6%	175.8%	Theo dõi chờ giải ngân
MSR	19.6	18-20	26-27	16	35.2	32.6%	399.1%	Theo dõi giải ngân khi điều chỉnh, hỗ trợ ngắn hạn 18.8+-
DPG	41.4	40-41	48-50	37	6.9	18.8%	75.3%	Theo dõi chờ giải ngân
DGW	55	52-54	68-70	48	11.6	40.0%	144.9%	Theo dõi giải ngân khi điều chỉnh, hỗ trợ ngắn hạn 54+-

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
23/06/2022	GEX	21.05	18.6	22-24	19.6	13.17%	Nắm giữ
23/06/2022	TCH	11.75	10.55	13-13.5	10.7	11.37%	Nắm giữ
23/06/2022	MBS	19.4	16.4	20-21	18.2	18.29%	Nắm giữ
23/06/2022	SCR	10.65	8.89	11-11.5	9.2	19.80%	Nắm giữ
27/06/2022	DBC	27.7	18.55	21-22	25	49.33%	Nắm giữ
27/06/2022	TCD	11.7	10.15	13-14	10.2	15.27%	Nắm giữ
28/06/2022	EVF	10.5	9.99	13-14	8.9	5.11%	Nắm giữ
29/06/2022	VPI	63.4	63.2	76-78	59	0.32%	Nắm giữ
30/06/2022	BSI	24.2	22.4	29-30	22	8.04%	Nắm giữ
1/7/2022	PLC	25.9	22.2	27-28	23	16.67%	Nắm giữ
4/7/2022	VCG	20.95	18.2	24-26	18	15.11%	Nắm giữ
4/7/2022	MBB	25.4	24.3	28-29	23.4	4.53%	Nắm giữ
7/7/2022	VNM	71.7	70.7	82-83	68	1.41%	Nắm giữ
11/7/2022	SSI	20.9	20	25-27	18	4.50%	Nắm giữ
12/7/2022	ASM	14.9	13.45	16.5-17	12.5	10.78%	Nắm giữ
14/7/2022	GVR	23.3	22.6	28-30	20	3.10%	Nắm giữ
18/7/2022	BVH	57.3	56.6	66-70	53	1.24%	Giải ngân giá 56.6



**TIN VÍ MÔ**

**Phê duyệt danh mục đầu tư 3 trung tâm điều hành tại cảng hàng không quốc tế Long Thành**

Bộ Giao thông vận tải vừa có quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư xây dựng trung tâm điều hành 1-3 của các hãng hàng không tại sân bay quốc tế Long Thành. Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án cho mỗi dự án là khoảng 246 tỷ đồng từ nguồn vốn của nhà đầu tư.

**Phó Thủ tướng: Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng trong năm nay**

Văn phòng Chính phủ vừa có thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Lê Văn Thành tại cuộc họp về công tác chuẩn bị triển khai đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng.

**Siết nhà 'hai giá', tăng thu thuế chuyển nhượng bất động sản hàng nghìn tỷ**

Năm 2022, chỉ trong 5 tháng đầu năm, kết quả thu thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản đạt 16 nghìn tỷ đồng, tăng 68,6% so cùng kỳ năm 2021.

**Doanh nghiệp dệt may lo thiếu đơn hàng cuối năm?**

Mặc dù xuất khẩu dệt may 6 tháng đầu năm nay đạt kết quả ấn tượng, đạt khoảng 22 tỷ USD song dự báo, nửa cuối năm năm thị trường sẽ có nhiều biến động, đặt ra nhiều thách thức cho doanh nghiệp và mục tiêu xuất khẩu của toàn ngành.

**Từng bước nối lại chuỗi cung ứng trong ngành công nghiệp**

Các nhóm ngành có sự hồi phục nhanh, như ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, đã cơ bản nối lại được các chuỗi cung ứng, cả sản lượng và số lượng đơn hàng mới đều tăng.

**Số doanh nghiệp trên 1.000 dân của tỉnh, thành nào cao nhất cả nước?**

Theo Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam 2021 của Tổng cục Thống kê, bình quân cả nước có 8,3 doanh nghiệp đang hoạt động trên 1.000 dân. Trong đó, có 8/63 địa phương có mật độ doanh nghiệp đang hoạt động trên 1.000 dân cao hơn bình quân cả nước.

**Standard Chartered phân tích về rủi ro lớn nhất mà kinh tế Việt Nam đang đối mặt**

Việc chính phủ Mỹ xem xét cắt giảm thuế quan với hàng Trung Quốc nhằm hạ nhiệt lạm phát có thể ảnh hưởng xấu đến FDI vào Việt Nam, Tổng giám đốc ngân hàng Standard Chartered lo ngại.



## TIN DOANH NGHIỆP

**VPBank chi 585 tỷ đồng thu tóm một công ty bảo hiểm**

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank, mã chứng khoán: VPB) vừa công bố thông tin về việc góp vốn, mua cổ phần để sở hữu 98% vốn điều lệ CTCP bảo hiểm OPES, dẫn tới OPES trở thành công ty con của VPBank theo nghị quyết của HĐQT.

**Tasco bán xong 15 triệu cổ phiếu TTL, chính thức thoái sạch vốn khỏi công ty**

Sau khi sang tay 1,3 triệu cổ phiếu của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP (HNX: TTL) vào ngày 04/07, CTCP Tasco (HNX: HUT) tiếp tục chuyển nhượng gần 15 triệu cổ phiếu TTL trong ngày 05/07, qua đó chính thức thoái sạch vốn khỏi Công ty này.

**DGW: Digiworld lên kế hoạch lãi tăng 87% trong quý III/2022**

CTCP Thế Giới Số (Digiworld, HoSE: DGW) công bố kế hoạch doanh thu quý III đạt 6.500 tỷ đồng, tăng 70%; lãi sau thuế 200 tỷ đồng, tăng 87% so với cùng kỳ năm trước.

**SHP: Báo lãi quý II/2022 tăng 90,61% so với cùng kỳ**

CTCP Thủy điện Miền Nam (HOSE: SHP) báo lãi sau thuế quý II/2022 đạt 77,9 tỷ đồng - tăng 90,61% so với cùng kỳ.

**Giá thép nội địa giảm 9 lần liên tiếp, vốn hóa ngành thép mất hơn 4 tỷ USD từ đầu năm**

10 doanh nghiệp thép lớn nhất trên sàn đã mất 98.000 tỷ đồng vốn hóa từ đầu năm trong đó riêng “anh cả” Hòa Phát (HPG) đã đánh rơi hơn 72.600 tỷ đồng.

**VHM: Vinhomes nộp 15.000 tỷ tiền sử dụng đất cho 2 đại dự án**

Năm 2021 vừa qua, Vinhomes cũng là đơn vị đóng thuế nhiều nhất trong hệ sinh thái Vingroup với 12.600 tỷ đồng, vượt xa mức đóng của công ty mẹ.

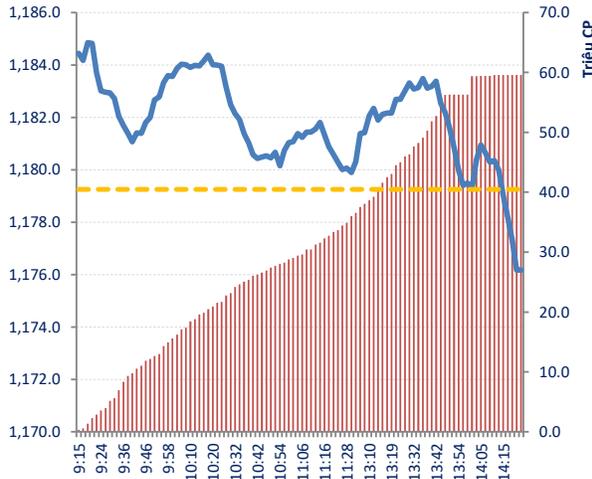
**Xuất khẩu giảm tốc, nhiều doanh nghiệp gỗ tạm ngừng sản xuất**

Bước sang quý III/2022, ngành gỗ ghi nhận sự giảm tốc về tăng trưởng và xuất khẩu do gặp nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp gỗ đã thu hẹp quy mô hoặc phải ngừng sản xuất.

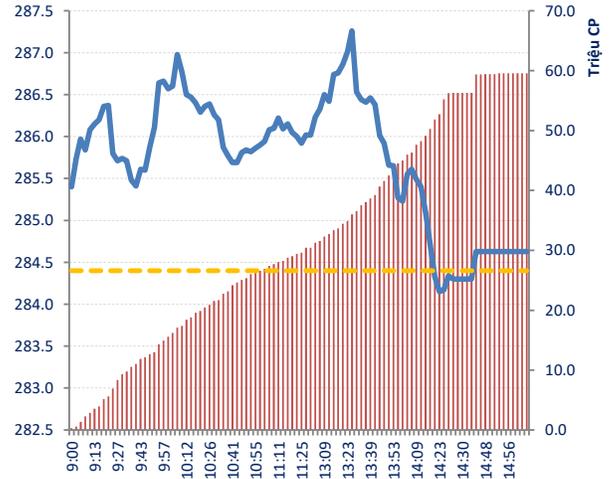


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH

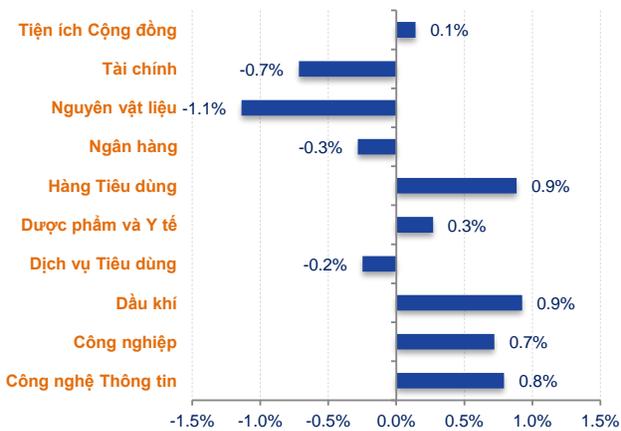
#### KLGD và VN-Index trong phiên



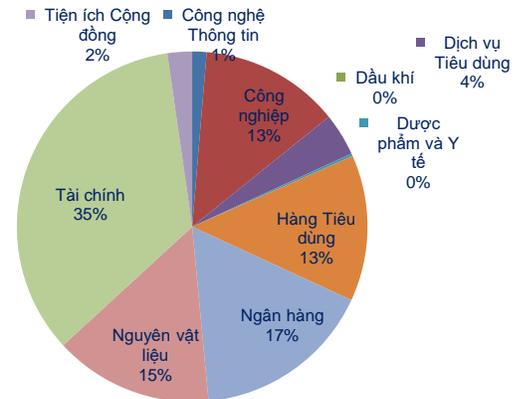
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



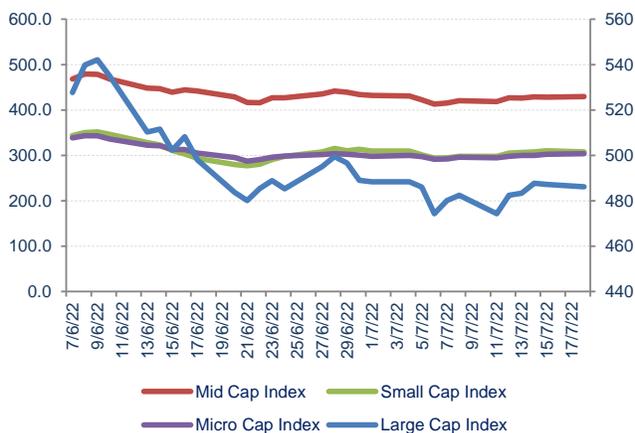
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



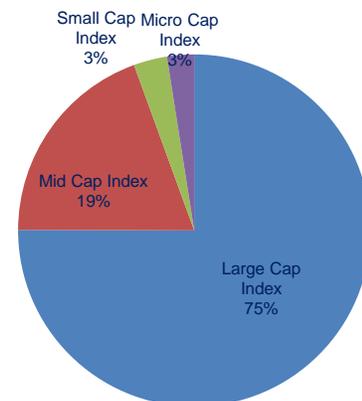
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VND	3,239,200	HPG	1,921,700	1	DL1	167,100	BVS	246,400
2	LPB	1,424,900	DXG	1,284,200	2	PVG	25,000	PVS	59,073
3	DPM	686,900	STB	1,026,800	3	TVC	25,000	TNG	45,800
4	BID	574,600	VHM	754,500	4	SD5	12,700	VCS	22,797
5	FLC	367,800	SSI	519,700	5	ICG	12,100	MCF	21,200

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HAG	11.05	11.70	↑ 5.88%	2,194,240	SHS	15.30	15.40	↑ 0.65%	9,954,140
HPG	23.20	22.60	↓ -2.59%	2,017,200	CEO	30.40	29.50	↓ -2.96%	6,750,277
VND	18.90	19.00	↑ 0.53%	1,972,390	PVS	23.20	23.20	→ 0.00%	6,244,211
HNG	6.36	6.80	↑ 6.92%	1,839,440	HUT	28.00	27.20	↓ -2.86%	3,242,291
SSI	21.10	20.90	↓ -0.95%	1,812,140	IDC	56.70	58.60	↑ 3.35%	2,512,517

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PTC	10.05	10.75	0.70	↑ 6.97%	HHC	82.00	90.20	8.20	↑ 10.00%
STB	18.80	20.10	1.30	↑ 6.91%	TKC	6.00	6.60	0.60	↑ 10.00%
HNG	6.36	6.80	0.44	↑ 6.92%	VMS	13.30	14.60	1.30	↑ 9.77%
VCF	228.00	243.70	15.70	↑ 6.89%	SIC	21.50	23.60	2.10	↑ 9.77%
HVX	4.22	4.51	0.29	↑ 6.87%	SD9	8.20	9.00	0.80	↑ 9.76%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CLW	30.80	28.65	-2.15	↓ -6.98%	VSM	28.50	25.70	-2.80	↓ -9.82%
UIC	52.50	48.85	-3.65	↓ -6.95%	SJ1	13.50	12.20	-1.30	↓ -9.63%
DTT	13.70	12.75	-0.95	↓ -6.93%	TKU	18.10	16.80	-1.30	↓ -7.18%
LEC	9.75	9.08	-0.67	↓ -6.87%	NAP	13.00	12.10	-0.90	↓ -6.92%
LCM	2.85	2.66	-0.19	↓ -6.67%	V21	6.10	5.70	-0.40	↓ -6.56%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	2,194,240	10.1%	531	22.0	2.3
HPG	2,017,200	41.0%	6,143	3.7	1.0
VND	1,972,390	12.3%	415	45.8	1.4
HNG	1,839,440	-18.9%	(1,117)	-	1.4
SSI	1,812,140	13.0%	1,236	16.9	1.4

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	9,954,140	25.5%	1,934	8.0	0.8
CEO	6,750,277	4.3%	571	51.7	2.1
PVS	6,244,211	5.3%	1,409	16.5	0.9
HUT	3,242,291	4.8%	549	49.6	2.4
IDC	2,512,517	13.2%	1,985	29.5	3.3

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PTC	↑ 7.0%	23.3%	1,857	5.8	0.3
ST8	↑ 6.9%	4.3%	553	36.4	1.6
HNG	↑ 6.9%	-18.9%	(1,117)	-	1.4
VCF	↑ 6.9%	29.0%	16,365	14.9	4.8
HVX	↑ 6.9%	0.2%	21	214.6	0.4

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HHC	↑ 10.0%	16.1%	4,705	19.2	2.9
TKC	↑ 10.0%	1.4%	222	29.8	0.4
VMS	↑ 9.8%	7.4%	1,242	11.8	0.9
SIC	↑ 9.8%	0.9%	177	133.3	0.9
SD9	↑ 9.8%	1.6%	397	22.7	0.4

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	3,239,200	12.3%	415	45.8	1.4
LPB	1,424,900	20.5%	2,657	5.3	0.9
DPM	686,900	49.4%	12,931	3.9	1.6
BID	574,600	13.3%	2,273	15.6	2.0
FLC	367,800	-4.4%	(596)	-	0.4

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DL1	167,100	3.3%	369	16.2	0.5
PVG	25,000	2.4%	326	30.7	0.7
TVC	25,000	17.5%	3,763	2.3	0.4
SD5	12,700	4.5%	829	11.2	0.5
ICG	12,100	2.2%	344	22.7	0.6

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	340,741	20.8%	4,853	14.8	2.9
VIC	259,348	-1.6%	(624)	-	2.0
VHM	256,908	31.4%	8,807	6.7	1.9
GAS	186,610	19.6%	5,262	18.5	3.3
BID	179,578	13.3%	2,273	15.6	2.0

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
KSF	25,440	9.0%	1,373	61.8	4.0
THD	19,670	12.4%	2,155	26.1	3.0
IDC	19,338	13.2%	1,985	29.5	3.3
NVB	16,704	0.0%	0	85,245.9	2.9
BAB	13,340	8.2%	909	18.0	1.3

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

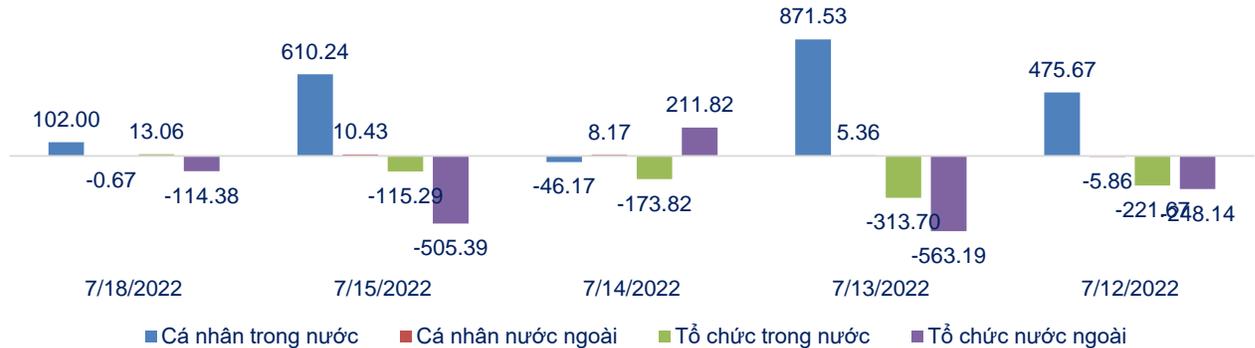
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QBS	2.81	-2.0%	(171)	-	0.4
FTS	2.81	32.6%	5,774	6.6	1.8
ABS	2.70	7.3%	838	14.1	1.0
HAX	2.68	23.1%	3,151	6.8	1.4
VIX	2.65	20.7%	989	11.4	0.8

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SDA	2.85	9.7%	849	18.0	1.5
BII	2.82	3.1%	345	12.5	0.4
PVL	2.82	7.0%	347	18.8	1.3
TVC	2.73	17.5%	3,763	2.3	0.4
PDC	2.70	-7.2%	(633)	-	0.7

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



### Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
<b>MBB</b>	62.32	22.4%	3,623	7.0	1.4
<b>NBB</b>	52.62	16.5%	3,522	5.2	1.0
<b>SSI</b>	49.00	13.0%	1,236	16.9	1.4
<b>TCB</b>	45.04	21.0%	5,457	6.7	1.3
<b>DPM</b>	35.18	49.4%	12,931	3.9	1.6

### Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
<b>VNM</b>	-54.47	29.4%	4,894	14.7	4.3
<b>GEX</b>	-27.39	5.5%	1,364	15.4	0.8
<b>GMD</b>	-26.05	10.5%	2,427	20.1	2.0
<b>SSB</b>	-24.08	17.2%	1,766	18.0	2.3
<b>FUEVFVND</b>	-15.34	N/A	N/A	N/A	N/A

### Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
<b>FPT</b>	2.41	22.0%	4,274	19.4	3.3
<b>FLC</b>	1.99	-4.4%	(596)	-	0.4
<b>NBB</b>	1.42	16.5%	3,522	5.2	1.0
<b>DPM</b>	1.04	49.4%	12,931	3.9	1.6
<b>HPG</b>	0.84	41.0%	6,143	3.7	1.0

### Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
<b>SSI</b>	-4.91	13.0%	1,236	16.9	1.4
<b>VND</b>	-2.45	12.3%	415	45.8	1.4
<b>TTF</b>	-2.26	0.0%	187	46.6	7.6
<b>VCB</b>	-0.83	20.8%	4,853	14.8	2.9
<b>CII</b>	-0.59	3.7%	1,245	15.7	0.7

### Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
<b>SSB</b>	24.12	17.2%	1,766	18.0	2.3
<b>GEX</b>	20.27	5.5%	1,364	15.4	0.8
<b>DPM</b>	6.74	49.4%	12,931	3.9	1.6
<b>SZC</b>	4.65	22.8%	3,194	15.6	3.5
<b>VIB</b>	3.39	29.0%	3,234	7.6	1.5

### Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
<b>MBB</b>	-62.32	22.4%	3,623	7.0	1.4
<b>NBB</b>	-54.31	16.5%	3,522	5.2	1.0
<b>TCB</b>	-45.04	21.0%	5,457	6.7	1.3
<b>SHB</b>	-19.55	19.4%	2,666	5.4	1.0
<b>VHM</b>	-13.86	31.4%	8,807	6.7	1.9

### Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
<b>VNM</b>	54.00	29.4%	4,894	14.7	4.3
<b>FUEVFVND</b>	27.84	N/A	N/A	N/A	N/A
<b>GMD</b>	26.09	10.5%	2,427	20.1	2.0
<b>PNJ</b>	24.22	19.6%	5,460	20.8	3.4
<b>MWG</b>	19.81	25.3%	3,451	17.7	2.0

### Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
<b>DPM</b>	-42.95	49.4%	12,931	3.9	1.6
<b>SSI</b>	-41.63	13.0%	1,236	16.9	1.4
<b>VND</b>	-21.52	12.3%	415	45.8	1.4
<b>VHM</b>	-17.83	31.4%	8,807	6.7	1.9
<b>VCB</b>	-15.09	20.8%	4,853	14.8	2.9

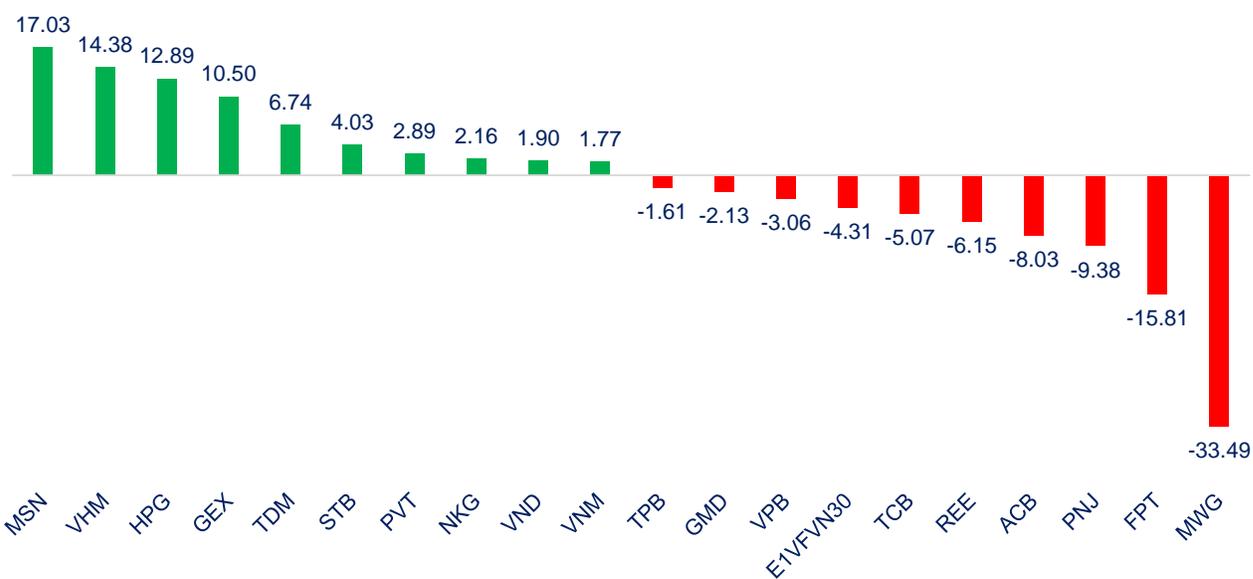


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

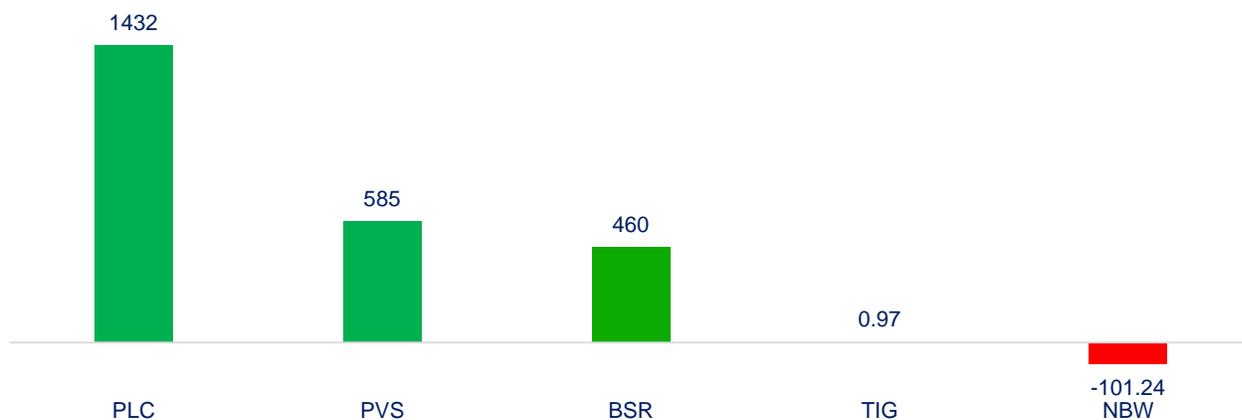
Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HNX và UPCOM (triệu đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---